TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2471/2023/DS-ST
Ngày: 27 - 12 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Phủ

2. Ông Nguyễn Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thương, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên

Trong các ngày 11 tháng 12 năm 2023, 22 tháng 12 năm 2023 và 27 tháng 12 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2107/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp: " Hợp đồng thuê tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 711/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn là ông H, sinh năm 1979; địa chỉ: đường A, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt);

2. Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tư vấn Đầu tư K; địa chỉ: đường L, Phường E, quận U, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện hợp pháp là ông T(có mặt), bà N(vắng mặt) - đại diện theo ủy quyền (Văn bản ngày 24/8/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng thuê xe đối với xe Kia Morning biển số 51H07139, giá thuê là 7.500.000 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng (17 tháng 9 năm 2021 hết hạn).

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, đôi bên tiếp tục ký hợp đồng thuê xe đối với xe Kia Morning biển số 51H07487, giá thuê là 7.700.000 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng (30 tháng 12 năm 2021 hết hạn) và xe Kia Morning biển số 51G53618, giá thuê là 7.200.000 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng (30 tháng 12 năm 2021 hết hạn).

Qúa trình thuê xe, bị đơn thanh toán đầy đủ, tuy nhiên từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 01 năm 2022, bị đơn không thanh toán tiền thuê xe, số tiền thuê xe còn thiếu tương ứng với các hợp đồng thuê xe là 159.630.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra nguyên đơn không còn bất cứ yêu cầu nào khác.

Ông T là đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tư vấn Đầu tư K trình bày:

Công ty có ký kết các hợp đồng thuê xe như nguyên đơn trình bày. Trong thời gian thuê xe, công ty thanh toán đầy đủ tiền thuê xe, cho đến khi dịch Covid-19 bùng phát, Thành phố Hồ Chí Minh bị phong tỏa thì công ty không sử dụng xe, nên đã không thanh toán tiền thuê xe. Thời gian này công ty đã gửi văn bản đến ông H yêu cầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng và được nguyên đơn đồng ý, sau khi hết dịch Covid -19 (tháng 10 năm 2022) thì công ty hoạt động trở lại bình thường và thanh toán đầy đủ tiền thuê xe. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền thuê xe thì công ty không đồng ý.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền thuê xe còn thiếu là 179.000.000 đồng. Ngoài ra, nguyên đơn không còn bất cứ yêu cầu nào khác. Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đúng quy định tại các điều 85, 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 472, khoản 1 Điều 117, Điều 481, Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền thuê xe con thiếu là 179.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội bị đơn chịu án phí có giá ngạch tương ứng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng thuê tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về yêu cầu của đương sự:*

[2.1] Căn cứ các hợp đồng thuê xe ngày 17 tháng 9 năm 2020 và ngày 30 tháng 12 năm 2020 thể hiện bị đơn đã thuê của nguyên đơn 03 chiếc xe ô tô Kia Morning, biển số 51H07139, biển số 51H07487 và biển số 51G53618. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận giá thuê, thời hạn thuê phù hợp với quy định tại Điều 472, Điều 473, Điều 474 Bộ luật dân sự.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền thuê xe còn thiếu là 179.000.000 (Một trăm bảy mươi chín triệu đồng), bị đơn cho rằng trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021 do dịch Covid-19 bùng phát nên bị đơn không kinh doanh được, vì thế bị đơn không đồng ý trả tiền thuê xe vì thuộc trường hợp bất khả kháng. Xét thấy dịch bệnh Covid-19 đã xuất hiện tại Việt Nam với diễn biến phức tạp và lây lan nhanh trên diện rộng nên Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng, chống dịch Covid-19 và chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Sau khi dịch Covid-19 xảy ra thì ngày 17 tháng 9 năm 2020 và 30 tháng 12 năm 2020, nguyên đơn và bị đơn ký kết hợp đồng thuê xe. Như vậy, tại thời điểm ký kết hợp đồng, các bên đã lường trước được tình hình dịch bệnh, nên bị đơn cho rằng dịch bệnh Covid-19 là trường hợp bất khả kháng để miễn trừ nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa, bị đơn cho rằng từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2021 và tháng 01 năm 2022, bị đơn đã hoạt động trở lại và được nguyên đơn đồng ý giảm giá còn 5.000.000 đồng/tháng cho mỗi xe với mức 2.500 km, trên 2.500 km thì tính 1.500 đồng/1km, nếu không hoạt động thì không tính tiền thuê xe. Nên tiền thuê xe bị đơn trả cho nguyên đơn trong khoảng thời gian nêu trên là 10.230.000 đồng. Tuy nhiên, yêu cầu này của bị đơn không được nguyên đơn đồng ý, bị đơn cũng

không có chứng cứ nào khác để chứng minh số km mà xe đã chạy được trong khoảng thời gian này, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[2.3] Tại phiên tòa, các bên đều xác định ngày nguyên đơn nhận lại xe như sau: Đối với xe ô tô Kia Moring biển số 51H07139 là ngày 17 tháng 01 năm 2022, xe ô tô Kia Moring biển số 51H07487 là ngày 06 tháng 3 năm 2022, xe ô tô Kia

Moring biển số 51G53618 là ngày 04 tháng 3 năm 2022. Như vậy, số tiền thuê xe bị đơn còn thiếu là:

- Xe ô tô Kia Moring biển số 51H07139: 7.500.000 đồng x 7 tháng 17 ngày = 56.750.000 đồng;

- Xe ô tô Kia Moring biển số 51H07487: 7.700.000 đồng x 9 tháng 5 ngày = 70.583.000 đồng;

- Xe ô tô Kia Moring biển số 51G53618: 7.200.000 đồng x 9 tháng 3 ngày = 65.520.000 đồng.

Tổng cộng tiền thuê xe bị đơn phải trả là: 192.853.000 đồng.

Nguyên đơn đồng ý giảm cho bị đơn 30% tiền thuê xe của tháng 7 và tháng 8 năm 2021 và chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 179.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Vì vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 179.000.000 đồng.

[2.4] Đối với số tiền đặt cọc nguyên đơn đã nhận của bị đơn là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu) đồng, tại phiên tòa bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nghĩ nên ghi nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: 179.000.000 đồng x 5% = 8.950.000 đồng;

Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 4.841.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018656 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 472, 473, 474, 481 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông H.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tư vấn Đầu tư K phải trả số tiền thuê xe theo hợp đồng hợp đồng thuê xe ngày 17 tháng 9 năm 2020 và ngày 30 tháng 12 năm 2020 đối với xe ô tô Kia Morning biển số 51H07139, biển số 51H07487 và biển số 51G53618 là 179.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín triệu) đồng, làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật;

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tư vấn Đầu tư K không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền đã đặt cọc là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng;

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải nộp án phí là: 8.950.000 (Tám triệu, chín trăm năm mươi ngàn) đồng;

Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là: 4.841.000 (Bốn triệu, tám trăm bốn mươi mốt ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0018656 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hố Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Linh Phượng